

Số: 25 /2024/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 18 tháng 7 năm 2024



QUYẾT ĐỊNH
Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức
trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 310/TTr-SNV ngày 05 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.
- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 7 năm 2024 và thay thế Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân

dân tỉnh quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Nơi nhận: *HT*

- Như Điều 2;
- Bộ Nội vụ (*để báo cáo*);
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (*để giám sát*);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (*tự kiểm tra*);
- Các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh
- Các PCVP UBND tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Trung tâm CB-TH (*đăng công báo*);
- Lưu: VT, NC (KY). *HT*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *PTH*



Phạm Văn Thiều

QUY ĐỊNH

Về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu
(Kèm theo Quyết định số 25 /2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định này quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với viên chức làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ban, ngành cấp tỉnh (gọi chung là Sở và tương đương) và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Phân loại viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Chương II TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

Mục 1 CĂN CỨ, ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG

Điều 3. Căn cứ tuyển dụng viên chức

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Điều 4. Điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức năm 2010 và Điều 5 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 5. Ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 6. Thẩm quyền tuyển dụng viên chức

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên (*sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ*) thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc tuyển dụng theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng kế hoạch tuyển dụng và tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định. Sau khi có kết quả tuyển dụng báo cáo về Sở Nội vụ để theo dõi.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở và tương đương; Ủy ban nhân dân cấp huyện: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng kế hoạch tuyển dụng và tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định, không phải báo cáo Giám đốc Sở và tương đương; Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Sau khi có kết quả tuyển dụng, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo kết quả về Giám đốc Sở và tương đương; Ủy ban nhân dân cấp huyện để báo cáo về Sở Nội vụ theo dõi.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (*sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp chưa được giao quyền tự chủ*):

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm của các đơn vị, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch tuyển dụng và tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở và tương đương; Ủy ban nhân dân cấp huyện: Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm, Giám đốc Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch tuyển dụng gửi Sở Nội vụ để xem xét, cho ý kiến trong thời hạn 05 ngày làm việc. Sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ, Giám đốc Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Sau khi có kết quả tuyển dụng, Giám đốc Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo về Sở Nội vụ để theo dõi.

Điều 7. Hội đồng tuyển dụng viên chức

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ: Hội đồng tuyển dụng có 05 hoặc 07 thành viên, như sau:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; Phó Chủ tịch Hội đồng là người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập; Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là viên chức giúp

việc về công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập; các ủy viên khác là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở và tương đương: Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; Phó Chủ tịch Hội đồng là người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập; Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là viên chức giúp việc về công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập; các ủy viên khác là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; Phó Chủ tịch Hội đồng là người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập; Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là viên chức giúp việc về công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập; các ủy viên khác là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ: Hội đồng tuyển dụng có 05 hoặc 07 thành viên, như sau:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ; Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ; các ủy viên khác là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Trường hợp tuyển dụng viên chức vào làm việc tại nhiều đơn vị sự nghiệp công lập thì số lượng thành viên (*số lẻ*) và thành phần Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở và tương đương: Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở và tương đương; Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ của Sở và tương đương; Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là người đại diện bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ của Sở và tương đương; các ủy viên khác là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do Giám đốc Sở và tương đương quyết định;

Trường hợp tuyển dụng viên chức vào làm việc tại nhiều đơn vị sự nghiệp công lập thì số lượng thành viên (*số lẻ*) và thành phần Hội đồng do Giám đốc Sở và tương đương quyết định.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện; Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức Phòng Nội vụ cấp huyện; các ủy viên khác là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Trường hợp tuyển dụng viên chức vào làm việc tại nhiều đơn vị sự nghiệp công lập thì số lượng thành viên (số lẻ) và thành phần Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

3. Hội đồng tuyển dụng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 3, Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 3, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

4. Việc bố trí người tham gia thành viên Hội đồng tuyển dụng, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng theo quy định tại khoản 3, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Mục 2

THI TUYỂN VIÊN CHỨC

Điều 8. Hình thức, nội dung và thời gian thi

Thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 9. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức

Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Mục 3

XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

Điều 10. Nội dung, hình thức xét tuyển viên chức

Thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 11. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

Điều 12. Tiếp nhận vào làm viên chức

Thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Mục 4

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

Điều 13. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 8, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 14. Trình tự tổ chức tuyển dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 9, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 15. Thông báo kết quả tuyển dụng viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 16. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 17 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 10, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 17. Ký kết hợp đồng làm việc và nhận việc

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 18 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 11, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Mục 5
HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC

Điều 18. Mẫu các loại hợp đồng làm việc

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 19. Các nội dung liên quan đến hợp đồng làm việc

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Mục 6
TẬP SỰ

Điều 20. Chế độ tập sự

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 21 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 12, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 21. Hướng dẫn tập sự

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 22. Chế độ, chính sách đối với người tập sự và người hướng dẫn tập sự

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, Điều 23 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 13, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 23. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức đối với người tập sự sau khi hết thời gian tập sự

Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 24. Chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 25 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 14, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Chương III
SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

Mục 1**BỐ TRÍ, PHÂN CÔNG CÔNG TÁC, BIỆT PHÁI VIÊN CHỨC****Điều 25. Bố trí, phân công công tác**

Thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 26. Biệt phái viên chức

Thực hiện theo quy định tại khoản 15, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Mục 2

**CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
VÀ THAY ĐỔI CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

Điều 27. Chức danh nghề nghiệp viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 28. Thay đổi chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 29. Xét chuyển chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (trừ đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 1, Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP).

Điều 30. Căn cứ, nguyên tắc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 31. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại khoản 16, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 32. Phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện theo quy định tại khoản 17, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ:

a) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I (bao gồm cả chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương viên chức loại A3) và từ hạng II trở xuống đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương, nâng bậc lương (thường xuyên, trước thời hạn), phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, xét chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I trở xuống (bao gồm cả chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương viên chức loại A3) thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ:

a) Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành hành chính, kế toán, văn thư, lưu trữ: Sở Nội vụ xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chỉ tiêu thăng hạng. Sau khi được Ủy ban nhân

dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng, Sở Nội vụ tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng IV và hạng III. Đối với chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở lên, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xét thăng hạng theo quy định.

b) Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục, đào tạo: Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) quyết định chỉ tiêu thăng hạng. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non lên hạng II. Đối với chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông từ hạng II trở lên và giáo viên mầm non lên hạng I, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xét thăng hạng theo quy định.

c) Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số: Sở Y tế xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) quyết định chỉ tiêu thăng hạng. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng, Sở Y tế tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng III. Đối với chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở lên, Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xét thăng hạng theo quy định.

d) Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lao động và xã hội, giáo dục nghề nghiệp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) quyết định chỉ tiêu thăng hạng. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng III. Đối với chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở lên, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xét thăng hạng theo quy định.

đ) Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) quyết định chỉ tiêu thăng hạng. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng III. Đối với chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở lên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xét thăng hạng theo quy định.

e) Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học, công nghệ: Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) quyết định chỉ tiêu thăng hạng. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng III. Đối với chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở lên, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xét thăng hạng theo quy định.

g) Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên, môi trường, khí tượng, thủy văn, đo đạc, bản đồ, biển và hải đảo: Sở Tài nguyên và Môi trường

xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định chỉ tiêu thăng hạng. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng III. Đối với chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở lên, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xét thăng hạng theo quy định.

h) Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa, thư viện, nghệ thuật, thể dục, thể thao và du lịch: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định chỉ tiêu thăng hạng. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng III. Đối với chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở lên, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xét thăng hạng theo quy định.

i) Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thông tin và truyền thông: Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành thông tin và truyền thông trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định chỉ tiêu thăng hạng. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng III. Đối với chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở lên, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xét thăng hạng theo quy định.

k) Đối với việc phân công, phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc các chuyên ngành khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 34. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 35. Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 18, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 36. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 37. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 38. Nội dung, hình thức xét thăng hạng

Thực hiện theo quy định tại khoản 19, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 39. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

Thực hiện theo quy định tại khoản 20, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 40. Thông báo kết quả xét thăng hạng

Thực hiện theo quy định tại khoản 21, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 41. Xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 42. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại khoản 22, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Mục 3**BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, KÉO DÀI THỜI GIAN CÔNG TÁC ĐẾN TUỔI NGHỈ HƯU ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC QUẢN LÝ****Điều 43. Thời hạn giữ chức vụ**

Thực hiện theo quy định tại khoản 23, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 44. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm

Thực hiện theo quy định tại khoản 24, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 45. Trách nhiệm và thẩm quyền trong công tác bổ nhiệm viên chức quản lý

Thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 46. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm viên chức quản lý

Thực hiện theo quy định tại khoản 25, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 47. Bổ nhiệm trong trường hợp khác

Thực hiện theo quy định tại khoản 26, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 48. Hồ sơ bổ nhiệm

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6, khoản 8, khoản 9 và khoản 10, Điều 48 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; khoản 27, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 49. Thời điểm, thời hạn và nguyên tắc thực hiện bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý

Thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 49 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; khoản 28 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.



Điều 50. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại

Thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 51. Thủ tục bổ nhiệm lại

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 51 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; khoản 29, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 52. Thủ tục kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu

Thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 53. Hồ sơ bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 và các điểm a, b, c, d, e, g, h, khoản 2, Điều 53 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; khoản 30, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Mục 4**THÔI GIỮ CHỨC VỤ, MIỄN NHIỆM ĐỐI VỚI
VIÊN CHỨC QUẢN LÝ****Điều 54. Từ chức, cho thôi giữ chức vụ đối với viên chức quản lý**

Thực hiện theo quy định tại khoản 31, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 55. Miễn nhiệm đối với viên chức quản lý

Thực hiện theo quy định tại khoản 32, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 56. Chế độ, chính sách đối với viên chức thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

Thực hiện theo quy định tại khoản 33, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Mục 5**QUY ĐỊNH VỀ THÔI VIỆC VÀ THỦ TỤC NGHỈ HƯU****Điều 57. Giải quyết thôi việc đối với viên chức**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, điểm a, c, d khoản 2, khoản 3, khoản 4, Điều 57 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 34, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 58. Trợ cấp thôi việc đối với viên chức thôi việc

Thực hiện theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 59. Thủ tục nghỉ hưu

Thực hiện theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 60. Chế độ, chính sách và cơ chế quản lý đối với trường hợp viên chức đã nghỉ hưu thực hiện ký hợp đồng vụ, việc với đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Mục 6**ĐIỀU ĐỘNG, TIẾP NHẬN, CHUYỂN CÔNG TÁC ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC****Điều 61. Điều động đối với viên chức trong phạm vi quản lý của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện**

Việc điều động đối với viên chức phải căn cứ vào nhu cầu, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và chỉ tiêu biên chế được giao của cơ quan, đơn vị, thực hiện như sau:

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định điều động đối với các chức danh, chức vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký bổ nhiệm;

b) Quyết định điều động đối với viên chức từ đơn vị này sang đơn vị khác để bổ nhiệm các chức danh, chức vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký bổ nhiệm.

2. Thẩm quyền của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương:

a) Quyết định điều động đối với viên chức giữ chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương trở xuống thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương từ đơn vị này sang đơn vị khác trong phạm vi quản lý;

b) Quyết định điều động đối với viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương từ đơn vị này sang đơn vị khác trong phạm vi quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh;

3. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định điều động đối với viên chức, bao gồm cả viên chức giữ chức vụ quản lý từ đơn vị này sang đơn vị khác trong phạm vi quản lý và thực hiện theo quy trình phân cấp cán bộ của cấp có thẩm quyền.

Điều 62. Điều động viên chức trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, ngoài phạm vi quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Căn cứ vào nhu cầu, trình độ đào tạo, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế được giao và nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định việc điều động viên chức.

2. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn xin chuyển công tác của viên chức (*đối với trường hợp xin chuyển công tác*);

b) Văn bản đồng ý cho chuyển công tác của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi viên chức đang công tác;

c) Văn bản đề nghị tiếp nhận viên chức của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến gửi Giám đốc Sở Nội vụ (*trường hợp không phải viên chức xin chuyển công tác thì văn bản đề nghị của nơi đến phải nêu rõ lý do tiếp nhận*);

d) Hồ sơ cá nhân viên chức: Sơ yếu lý lịch theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ (*có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác*); bản sao các văn bằng, chứng chỉ; giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp chậm nhất là 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ; bản sao các quyết định có liên quan (*quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp; quyết định lương hiện hưởng; các quyết định điều động, bổ nhiệm "nếu có"*); đánh giá, nhận xét 03 năm gần nhất (*có nhận xét, đánh giá của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị*).

Điều 63. Viên chức chuyển công tác đi ngoài tỉnh, ngoài phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh (*chuyển công tác sang các cơ quan Đảng, Đoàn thể, cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh*)

1. Căn cứ vào nhu cầu, vị trí việc làm, điều kiện của viên chức, việc sử dụng viên chức của cơ quan, đơn vị; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến đồng ý cho viên chức chuyển công tác gửi Giám đốc Sở Nội vụ. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định việc viên chức chuyển công tác.

2. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn xin chuyển công tác của viên chức (*đối với trường hợp xin chuyển công tác*);

b) Văn bản đồng ý cho viên chức chuyển công tác của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến Giám đốc Sở Nội vụ (*Giám đốc Sở Nội vụ xem xét, quyết định cho viên chức liên hệ chuyển công tác; trường hợp*

hợp có văn bản đồng ý của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận viên chức nơi đến thì Giám đốc Sở Nội vụ xem xét, quyết định);

c) Văn bản đồng ý của Giám đốc Sở Nội vụ của tỉnh nơi viên chức đến *(hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền của nơi đến theo phân cấp);*

d) Hồ sơ cá nhân viên chức: Thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 62 Quy định này.

Điều 64. Tiếp nhận viên chức ngoài tỉnh, các cơ quan Đảng, Đoàn thể, cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh

1. Căn cứ vào nhu cầu, trình độ đào tạo, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế được giao, xét nguyện vọng của viên chức xin chuyển công tác hợp lý hoặc nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận viên chức.

2. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn xin chuyển công tác của viên chức *(đối với trường hợp xin chuyển công tác);*

b) Văn bản đồng ý cho chuyển công tác của Giám đốc Sở Nội vụ nơi viên chức đi *(hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền của nơi cho chuyển công tác theo phân cấp);*

c) Văn bản đề nghị tiếp nhận viên chức gửi Sở Nội vụ của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có nhu cầu;

d) Hồ sơ cá nhân viên chức: Thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 62 Quy định này.

Chương IV QUẢN LÝ VIÊN CHỨC

Điều 65. Nội dung quản lý viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 66. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 5, 6, 7, 8, Điều 65 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 36, Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

Điều 67. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định *(đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ);*

a) Quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc theo phân công, phân cấp và theo quy định của Đảng và của pháp luật;

b) Quyết định chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I trở xuống đối với viên chức chuyên ngành hành chính, kế toán, văn thư, lưu trữ (*bao gồm chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3*);

c) Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (*đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ*):

a) Quyết định công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I và hạng II đối với viên chức chuyên ngành hành chính, kế toán, văn thư, lưu trữ;

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương hạng I và hạng II đối với viên chức chuyên ngành hành chính, kế toán, văn thư, lưu trữ; Quyết định nâng bậc lương (*thường xuyên, trước thời hạn*), phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề; chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I (*trừ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non*), viên chức lãnh đạo thuộc Tỉnh ủy quản lý và chức danh, chức vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký bổ nhiệm;

d) Quyết định xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp viên chức;

đ) Quyết định điều động đối với các chức danh, chức vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký bổ nhiệm; điều động đối với viên chức từ đơn vị này sang đơn vị khác để bổ nhiệm các chức danh, chức vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký bổ nhiệm;

e) Quyết định nghỉ hưu, thôi việc đối với viên chức lãnh đạo thuộc Tỉnh ủy quản lý và chức danh, chức vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký bổ nhiệm.

4. Quyết định theo phân cấp quản lý:

a) Quyết định điều động, chuyển công tác đối với viên chức từ đơn vị này sang đơn vị khác ngoài phạm vi quản lý của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; quyết định cho viên chức chuyển công tác đi ngoài tỉnh; quyết định tiếp nhận viên chức ngoài tỉnh đến;

b) Quyết định điều động viên chức từ đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ sang đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ;

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương hạng III, hạng IV đối với viên chức chuyên ngành hành chính, kế toán, văn thư, lưu trữ; Quyết định nâng bậc lương (*thường xuyên, trước thời hạn*), phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề; xét chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II và chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I;

d) Thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

đ) Thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định;

e) Thực hiện thống kê và báo cáo thống kê viên chức theo quy định;

g) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

Điều 68. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Sở và tương đương; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ:

a) Thực hiện các chế độ, chính sách của nhà nước đối với viên chức theo phân cấp;

b) Thực hiện tuyển dụng, tiếp nhận vào làm viên chức, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, ký, chấm dứt hợp đồng làm việc, biệt phái, xét thăng hạng viên chức theo phân công, phân cấp;

c) Thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương hạng II (*chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non*), hạng III đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Quyết định nâng bậc lương (*thường xuyên, lương trước thời hạn*), phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề; xét chuyển chức danh nghề nghiệp hạng II (*chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non*), hạng III trở xuống;

đ) Quản lý, sử dụng viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

e) Bố trí, phân công nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo phân cấp;

g) Thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định;

h) Thực hiện việc lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ cá nhân của viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

i) Giải quyết thôi việc, nghỉ hưu đối với viên chức theo phân cấp;

k) Thống kê và báo cáo Sở Nội vụ về số lượng, chất lượng đội ngũ viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

l) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ, ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này còn có các nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

a) Quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc theo quy định pháp luật;

b) Tổ chức tuyển dụng viên chức theo thẩm quyền; xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A3 theo phân cấp, ủy quyền; xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, quyết định bổ nhiệm, xếp lương, nâng bậc lương (*thường xuyên, trước thời hạn*), phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề; xét chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I xếp lương loại A2 và từ hạng II trở xuống thuộc phạm vi quản lý;

c) Quyết định cử viên chức tham dự các cuộc hội thảo, hội nghị, nghiên cứu khảo sát và học tập kinh nghiệm theo phân cấp.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 69. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở và tương đương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này, đồng thời, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về những việc được giao quyền tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở và tương đương; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Quy định; đồng thời, theo dõi, kiểm tra, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Giám đốc các Sở và tương đương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Nội vụ*) để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.